ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

CHUẨN BỊ CHUNG

Giấy nháp và bút; có thể dùng đồ vật bằng nhau để kiểm.

CÁCH TỔ CHỨC

Đọc ví dụ, nói quan hệ giữa các số rồi tự làm từng nhiệm vụ.

Ghi phép tính và cách kiểm; mở đáp án sau khi đã thử.

LƯU Ý CHUNG

Chấp nhận cách làm khác nếu giữ đúng quan hệ và giải thích được. Không đọc trước đáp án cho trẻ.

Bài 1 · tr. 01 Quy đồng khi mẫu lớn chia hết mẫu bé

Mục tiêu Quy đồng hai mẫu khi mẫu lớn chia hết mẫu bé.

Ví dụ Với $\frac{2}{3}$ và $\frac{5}{6}$, chọn mẫu chung 6. Đổi $\frac{2}{3}$ thành $\frac{4}{6}$, giữ $\frac{5}{6}$. Không cần tự tìm một bội chung khác lớn hơn.

Câu 1 · tr. 01 $\frac{4}{8}$ và $\frac{3}{8}$.

Câu 2 · tr. 01 $\frac{4}{10}$ và $\frac{7}{10}$.

Câu 3 · tr. 01 $\frac{9}{12}$ và $\frac{5}{12}$.

Câu 4 · tr. 01 Số 6 không chia hết cho 4. Cặp này không thuộc trường hợp đang luyện; không được dùng mẫu chung 6.

Bài 2 · tr. 02 So sánh các phân số cùng mẫu

Mục tiêu So sánh cùng mẫu bằng số phần bằng nhau được xét.

Ví dụ Với cùng một đơn vị chia 7 phần bằng nhau, $\frac{5}{7}$ lớn hơn $\frac{3}{7}$ vì 5 phần nhiều hơn 3 phần.

Câu 1 · tr. 02 $\frac{2}{9} < \frac{7}{9}$.

Câu 2 · tr. 02 $\frac{5}{8} > \frac{3}{8}$; $\frac{4}{5} = \frac{4}{5}$.

Câu 3 · tr. 02 $\frac{1}{6} < \frac{3}{6} < \frac{5}{6}$.

Câu 4 · tr. 02 $\frac{3}{10} < \frac{7}{10}$ vì ba phần mười ít hơn bảy phần mười của cùng một đơn vị.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 3 · tr. 03 So sánh sau khi quy đồng mẫu số

Mục tiêu So sánh sau khi quy đồng về mẫu chia hết mẫu còn lại.

Ví dụ So sánh $\frac{2}{3}$ và $\frac{3}{6}$: đổi $\frac{2}{3} = \frac{4}{6}$; vì $\frac{4}{6} > \frac{3}{6}$ nên $\frac{2}{3} > \frac{3}{6}$.

Câu 1 · tr. 03 $\frac{1}{2} = \frac{4}{8} < \frac{5}{8}$.

Câu 2 · tr. 03 $\frac{3}{4} = \frac{9}{12} > \frac{5}{12}$.

Câu 3 · tr. 03 $\frac{2}{5} = \frac{4}{10}$.

Câu 4 · tr. 03 Các mẫu khác nhau nên các phần khác cỡ. Đổi $\frac{2}{3} = \frac{4}{6}$, nên $\frac{2}{3} > \frac{3}{6}$.

Bài 4 · tr. 04 Sắp không quá bốn phân số đúng điều kiện

Mục tiêu Sắp không quá bốn phân số khi một mẫu chia hết tất cả mẫu còn lại.

Ví dụ Với $\frac{1}{2}, \frac{3}{4}, \frac{5}{8}$, mẫu 8 chia hết 2 và 4. Đổi về $\frac{4}{8}, \frac{6}{8}, \frac{5}{8}$ rồi xếp: $\frac{1}{2} < \frac{5}{8} < \frac{3}{4}$.

Câu 1 · tr. 04 $\frac{1}{4} < \frac{3}{8} < \frac{1}{2}$ vì $\frac{2}{8} < \frac{3}{8} < \frac{4}{8}$.

Câu 2 · tr. 04 $\frac{1}{3} = \frac{2}{6} < \frac{1}{2} < \frac{5}{6}$.

Câu 3 · tr. 04 $\frac{3}{4} > \frac{7}{12} > \frac{1}{2} > \frac{1}{3}$ vì $\frac{9}{12} > \frac{7}{12} > \frac{6}{12} > \frac{4}{12}$.

Câu 4 · tr. 04 Trong bộ 2, 3, 6, chọn mẫu 6. Trong bộ 4, 6, không có mẫu nào chia hết mẫu còn lại.

Bài 5 · tr. 05 Chọn phân số lớn nhất và bé nhất

Mục tiêu Chọn lớn nhất và bé nhất bằng so sánh có căn cứ trong nhóm tối đa bốn phân số.

Câu 1 · tr. 05 Lớn nhất là $\frac{4}{5}$; bé nhất là $\frac{1}{5}$.

Câu 2 · tr. 05 Lớn nhất là $\frac{5}{8}$; bé nhất là $\frac{1}{4}$.

Câu 3 · tr. 05 Lớn nhất là $\frac{5}{6}$; bé nhất là $\frac{1}{6}$. Ngoài ra, $\frac{2}{3} = \frac{4}{6}$.

Câu 4 · tr. 05 Cần nêu cả $\frac{1}{4}$ và $\frac{2}{8}$ vì chúng bằng nhau và cùng biểu diễn lượng bé nhất trong nhóm.